

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa:

Bà Châu Nữ Thu Hân.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 14/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2019 về việc “V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 22/TB-TA ngày 23/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thành M, sinh năm a.

Địa chỉ: Số nhà b, tổ t, ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc T, sinh năm b.

Địa chỉ: Số nhà h, tổ s, Khóm m, Phường s, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông M và bà T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thành M trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành M và bà Nguyễn Ngọc T quen biết nhau năm 2015, chung sống với nhau như vợ chồng năm 2016, không tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông M và bà T chung

sống với nhau có hạnh phúc và sống tại nhà bà T. Sau đó, ông, bà phát sinh mâu thuẫn do người con rể của bà T có những lời lẽ xúc phạm đến ông M nên ông M về nhà cha mẹ ông M sống, ông M và bà T không sống chung từ tháng 7/2019 đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, ông M cảm thấy không thể hàn gắn tình cảm với bà T được nữa. Nay ông M yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Ông M và bà T có tài sản chung gồm:

+ Phần đất diện tích 199m², thửa 482, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; đất tọa lạc tại ấp Tịnh Hưng, xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn gốc đất, ông M và bà T nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng anh Út Em và chị Hồng Công ngày 13/6/2016, giá 65.000.000 đồng, ông M và bà T đã giao đủ tiền cho anh Út Em và chị Hồng Công, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đứng tên, số GCN: CH03803, cấp ngày 4/7/2016. Sau khi chuyển nhượng đất, ông M và bà T có bơm cát san lấp nền chi phí 9.000.000 đồng. Hiện nay, ông M đang quản lý, sử dụng diện tích đất này, giá trị diện tích đất là 200.000.000 đồng (không có huê lợi trên đất).

+ 01 laptop Dell, trị giá 8.500.000 đồng, bà T đang quản lý sử dụng.

+ 01 xe Honda Future, màu nhót, bảng số xe 66.P1 878.45 do ông M đứng tên xe, xe mua năm 2017, giá 34.000.000 đồng, hiện nay bà T đang quản lý sử dụng, trị giá hiện tại 20.000.000 đồng.

+ 01 máy tưới xoài hiệu Honda trị giá 2.500.000 đồng, bà T quản lý.

Tổng cộng giá trị tài sản chung: 231.000.000 đồng.

Khi ly hôn, ông M yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên hòa giải, ông M và bà T thống nhất tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông M rút yêu cầu khởi kiện về tài sản.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Bà T thống nhất lời trình bày của ông M về việc sống chung như vợ chồng nhưng thời gian sống chung là năm 2017, không phải năm 2016 như ông M trình bày, không đăng ký kết hôn và ông M, bà T không sống chung từ tháng 10/2019 đến nay. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng như ông M trình bày là không đúng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông M uống rượu bia về nhà gây chuyện với bà T và con rể của bà T. Nay bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông M.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Lê Thành M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T có địa chỉ tại Phường s, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của ông Lê Thành M và bà Nguyễn Ngọc T được xác lập vào năm 2017, do hai ông, bà tự nguyện và thừa nhận, ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của ông bà để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Lê Thành M và bà Nguyễn Ngọc T để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của ông bà.

[3] Xét tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, ông M yêu cầu chia giá trị tài sản chung: 231.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông M và bà T tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông M rút yêu cầu khởi kiện về tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông M rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông M.

[4] Xét con chung và nợ chung: Ông Lê Thành M và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất không có con chung, không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Lê Thành M và bà Nguyễn Ngọc T.

Tài sản chung: Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Thành M.

Con chung và nợ chung: Ông Lê Thành M và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất không có con chung, không có nợ ai và không cho ai nợ.

Án phí: Ông Lê Thành M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008005 ngày 20/12/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy ông M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Thành M và bà Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh